

Số: /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**THÔNG TƯ****Quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý trong các lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung một số điều của Luật số 90/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất; Nghị định số 77/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

*Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý trong các lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.*

## **CHƯƠNG I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Thông tư này quy định phân cấp thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý trong các lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Thông tư này không điều chỉnh đối với:

b1) Nội dung đã có quy định pháp luật xác định thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các đơn vị tại khoản 2 Điều này;

b2) Nội dung về thẩm quyền quản lý lĩnh vực ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Văn phòng Bộ; Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm, Cục Người có công, Trường Đại học Lao động - Xã hội nhưng không phải là đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (*được gọi là các đơn vị dự toán cấp II*).

b) Cục Quản lý lao động ngoài nước, Trung tâm Lao động ngoài nước, Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước, Trung tâm Công nghệ Thông tin, Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước và Lao động, Tạp chí Tổ chức Nhà nước và Lao động, Báo Dân trí, các Ban quản lý Dự án và đơn vị sử dụng ngân sách thuộc đơn vị dự toán cấp II (*được gọi là các đơn vị sử dụng ngân sách*).

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc phân cấp quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Nội vụ.

#### **Điều 2. Nguyên tắc phân cấp**

1. Bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục khi quyết định các nội dung về quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; phù hợp với mô hình tổ chức, tính chất hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ.

2. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các đơn vị, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định trực tiếp đối với từng nhiệm vụ, công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng theo quy định của pháp luật; trường hợp xét thấy việc phân cấp không còn phù hợp, Bộ trưởng quyết định tạm dừng hoặc thu hồi việc phân cấp theo quy định tại Chương III Thông tư này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước* theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của đơn vị.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp bao gồm:

- a) Nguồn phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;
- b) Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật;
- c) Các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác được sử dụng theo quy định của pháp luật (không bao gồm nguồn vốn viện trợ không hoàn lại).

3. *Nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị* là nhiệm vụ do đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thực hiện không có cấu phần xây dựng, bao gồm mua sắm để bổ sung, thay mới hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp máy móc, trang thiết bị để phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật của ngành, lĩnh vực có liên quan.

4. *Nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng* là nhiệm vụ do đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thực hiện có cấu phần xây dựng, bao gồm sửa chữa để cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục công trình xây dựng, trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất đã có của cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực có liên quan, bao gồm cả phần mua tài sản, trang thiết bị gắn với công trình xây dựng.

5. *Nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ* là việc đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ thực hiện thuê tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong một thời hạn nhất định hoặc sử dụng không thường xuyên nhằm đảm bảo phục vụ hoạt động thường

xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và pháp luật của ngành lĩnh vực có liên quan.

## **CHƯƠNG II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý ngân sách**

1. Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp II có thẩm quyền:

Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước (giao không tự chủ tài chính) cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng kinh phí thực hiện từ trên 0,5 tỷ đồng /nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách (trừ nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Thông tư này).

2. Người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước (giao không tự chủ tài chính) thuộc phạm vi quản lý có tổng kinh phí thực hiện đến 0,5 tỷ đồng/nhiệm vụ (trừ nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Thông tư này).

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý (trừ nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Thông tư này).

#### **Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ**

Phân cấp thẩm quyền đối với tài sản không phải là nhà, đất, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô nhằm duy trì hoạt động thường xuyên:

1. Người đứng đầu các đơn vị dự toán cấp II có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục I) từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng mức dự toán kinh phí thực hiện từ trên 0,5 tỷ đồng đến 02 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục I) từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng mức dự toán kinh phí thực hiện từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục I) từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tổng mức dự toán kinh phí thực hiện đến 0,5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục I) từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên có tổng dự toán kinh phí thực hiện đến 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

**Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng**

1. Người đứng đầu các đơn vị dự toán cấp II có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục II) từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, quyết toán cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng mức kinh phí thực hiện từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục II) từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, quyết toán cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có tổng mức kinh phí thực hiện từ trên 02 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Người đứng đầu các đơn vị sử dụng ngân sách có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục II) từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, quyết toán nhiệm vụ có tổng mức kinh phí thực hiện đến 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ (theo Phụ lục II) nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên và phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, quyết toán nhiệm vụ có tổng mức kinh phí thực hiện đến 02 tỷ đồng/nhiệm vụ.

**Điều 7. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư xây dựng**

Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp II quyết định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định dừng chủ trương đầu tư; quyết định, quyết định điều chỉnh dự án; quyết toán dự án đầu tư nhóm C thuộc phạm vi quản lý sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn kinh phí hợp pháp dành để đầu tư.

**Điều 8. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin**

1. Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp II có thẩm quyền:

a) Quyết định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; quyết định, quyết định điều chỉnh dự án; quyết toán dự án Công nghệ thông tin nhóm C thuộc phạm vi quản lý sử dụng vốn đầu tư công từ nguồn kinh phí hợp pháp dành để đầu tư.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tổng kinh phí thực hiện từ trên 0,5 tỷ đồng đến 02 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

c) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên có tổng kinh phí thực hiện từ trên 01 tỷ đồng đến 03 tỷ đồng/nhiệm vụ/đơn vị sử dụng ngân sách.

2. Người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách có thẩm quyền:

a) Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước có tổng dự toán kinh phí dưới 20 tỷ đồng do đơn vị được giao thực hiện.

b) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của đơn vị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước có tổng dự toán kinh phí thực hiện đến 0,5 tỷ đồng/nhiệm vụ.

c) Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của đơn vị từ nguồn kinh phí hợp pháp dành cho chi thường xuyên của đơn vị có tổng dự toán kinh phí thực hiện đến 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

### **Điều 9. Phân cấp thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công**

1. Người đứng đầu đơn vị dự toán cấp II có thẩm quyền:

a) Quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ nhà, đất, xe ô tô).

b) Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và tài sản công khác (trừ xe ô tô) đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

d) Quyết định bán tài sản đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 0,25 tỷ đồng trở lên đến dưới 2 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

đ) Quyết định thanh lý tài sản đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá từ 0,5 tỷ đồng trở lên đến dưới 2 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

e) Quyết định việc xử lý tài sản đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 2 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) trong các trường hợp:

- Thu hồi tài sản;
- Tiêu huỷ tài sản;
- Tài sản bị mất, bị huỷ hoại.

g) Quyết định phê duyệt danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô).

h) Quyết định khai thác tài sản công phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

i) Quyết định khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, phòng truyền thống của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu các đơn vị sử dụng ngân sách:

a) Quyết định bán tài sản đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 0,25 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

b) Quyết định thanh lý tài sản đối với tài sản công là tài sản cố định có nguyên giá dưới 0,5 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

c) Quyết định phê duyệt danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô).

d) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao đã xác định đơn vị là chủ thể tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản.

đ) Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa hoặc định mức chi bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

### **CHƯƠNG III**

## **QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC THỰC HIỆN PHÂN CẤP**

**Điều 10. Quyền hạn và nghĩa vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện phân cấp**

#### **1. Vụ Kế hoạch - Tài chính**

a) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các cơ quan, tổ chức được phân cấp thẩm quyền.

b) Giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ tổng hợp, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này; tổ chức thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quy định tại Thông tư này.

c) Kịp thời báo cáo, đề xuất Bộ trưởng Bộ Nội vụ các trường hợp phải tạm dừng việc phân cấp thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này.

#### **2. Đơn vị, cá nhân được phân cấp thẩm quyền**

a) Trường hợp người đứng đầu đơn vị dự toán cấp II đồng thời là người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách (Văn phòng Bộ, Văn phòng Cục Việc làm, Văn phòng Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương, Văn phòng Cục Người có công, Văn phòng Cục Tiền lương và Bảo hiểm Xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội cơ sở Hà Nội) thì thực hiện theo thẩm quyền của Người đứng đầu đơn vị sử dụng ngân sách.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

c) Báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

d) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật chuyên ngành.

đ) Theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc đơn vị.

e) Kịp thời đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc tạm dừng quy định về phân cấp phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu công tác của đơn vị và các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp.

g) Các văn bản phê duyệt khi thực hiện thẩm quyền được giao theo Thông tư này, đồng thời gửi Bộ Nội vụ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để theo dõi, kiểm tra, giám sát.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP**

#### **Điều 11. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các nội dung, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền đã được quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc nội dung, nhiệm vụ. Trường hợp cần thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp tại Thông tư này đối với các công việc chưa thực hiện thì đơn vị đề xuất cụ thể đề Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng quyết định.

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể thẩm quyền đối với các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

#### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) để được hướng dẫn, nghiên cứu giải quyết./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- Các Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Mạnh Khương**

